Số: 171
Thời gian ký: 28-04-2021 15:00:02 +07:00

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC HỒ CHỨA THUỘC DANH MỤC NGUỒN NƯỚC NỘI TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Hồ thủy điện Chiêm Hóa	Sông Gâm	Hồng-Thái Bình	67,4	1,98	xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy điện
2	Hồ thủy điện Yên Sơn	Sông Gâm	Hồng-Thái Bình	54,2	9,5	xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy điện
3	Hồ thủy điện sông Lô 8A	Sông Lô	Hồng-Thái Bình	10,13	1,52	TT Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy điện
4	Hồ thủy điện sông Lô 8B	Sông Lô	Hồng-Thái Bình	14,507	2,224	Xã Tứ Quận, Phúc Ninh, Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy điện
5	Nà Vàng			0.25	0.22	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	Hồ chứa thủy lợi
6	Khuổi Luông			0.16	0.14	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	Hồ chứa thủy lợi
7	Nà Heng 2			0.24	0.21	Xã Năng Khả, huyện Na Hang	Hồ chứa thủy lợi
8	Đèo Chắp			0.46	0.40	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
9	Nà Dầu			0.16	0.14	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
10	Noong Mò			1.43	1.24	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
11	Păng Mo			1.04	0.90	Xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
12	Nà Nghìm			0.20	0.17	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
13	Kim Giao			0.03	0.20	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
14	Ngòi Là 2			0.07	3.24	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
15	Ngòi Là 1			1.15	1.00	Xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
16	Đèo Hoa			0.43	0.37	Xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
17	Minh Cầm			0.25	0.22	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
18	Khuôn Lù			0.02	0.02	Xã Trung Trực, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
19	Hưng Quốc			0.21	0.19	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
20	Như Xuyên			2.30	2.00	Xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
21	Cây Gạo			0.59	0.51	Xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
22	Khe Thuyền			1.04	0.90	Xã Văn Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
23	Tân Dân			1.01	0.88	Xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
24	Hoàng Tân			1.38	1.20	Xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
25	Hoa Lũng			0.79	0.69	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
26	Cây Dâu			0.69	0.60	TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
27	Đát Cao				0.04	TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
28	Ngòi Cò			0.12	0.10	Xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
29	Cây Vải			0.09	0.08	Xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
30	Hồ Tịnh			0.16	0.14	Xã Cấp Tiến, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
31	Khuổi Kheo			0.16	0.14	Xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
32	Khuổi Khoang				0.96	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
33	Khuổi Thung			0.68	0.59	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
34	Nà Lừa			0.43	0.17	Xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
35	Bản Lai (Đèo Lai)			0.43	0.37	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
36	Bó Kẹn			0.24	0.21	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
37	Nà Ký (Phai Ký)			0.18	0.16	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
38	Loong Khun 1			0.05	0.02	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
39	Pác Nhang			0.40	0.35	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
40	Cốc Cooc			0.17	0.15	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
41	Nà Giàng - Sắc Cút			0.17	0.15	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
42	Búc Đăm			0.09	0.08	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
43	Cốc Tậu			0.10	0.09	Xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
44	Nậm Ho1			0.13	0.11	Xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
45	Khuổi Luông (Khuổi [illegible]			0.14	0.12	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
46	Khuổi Đúc			0.18	0.16	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
47	Tông Moọc (Tôn Mộc)			0.22	0.19	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
48	Cây Cóc			0.06	0.05	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
49	Đồng Tình			0.06	0.05	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
50	Ô Rô			1.50	1.30	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
51	Hồ Khởn			1.22	1.06	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
52	Ao Sen 1			0.14	0.12	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
53	Cây Cóc			0.17	0.15	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
54	Hố Nứa (Ông Thế)			0.21	0.18	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
55	An Khê			1.38	1.20	Xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
56	Hoàng Khai			2.42	2.10	Xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
57	Khuôn Ninh			0.09	0.08	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
58	Đồng Cang			0.12	0.10	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
59	Làng Thang			0.47	0.41	Xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
60	Khuổi Rua			0.14	0.12	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
61	Hố Chuối			0.24	0.21	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
62	Gốc Sồi			0.07	0.06	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
63	Lý Táng			0.10	0.09	Phường Mỹ Lâm, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
64	Nước Nóng			0.09	0.08	Phường Mỹ Lâm, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
65	Đồng Trong			0.12	0.10	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
66	Cánh Tiên			0.52	0.45	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
67	Trung Long (Trong [illegible]			0.25	0.22	Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
68	Ao Búc			0.31	0.27	Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
69	Đồng Bùng			0.26	0.23	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
70	Bồ Hòn			0.26	0.23	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
71	Khoan Lư			0.92	0.80	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
72	Hải Mô			1.08	0.94	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
73	Đá Lở			0.12	0.10	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
74	Rộc Trám			0.22	0.19	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
75	Đồng Giang			0.21	0.18	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
76	Vực Lửng			0.07	0.06	Xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
77	Phượng Hoàng			0.06	0.05	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
78	Khuôn Mản			0.14	0.12	Xã Lương Thiện, huyện Sơng Dương	Hồ chứa thủy lợi
79	Khuôn Tâm			0.13	0.11	Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
80	Hồ Bòng			0.16	0.14	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
81	Kỳ Lãm			1.04	0.90	Phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang	Cấp nước sinh hoạt- Hồ chứa thủy lợi
82	Thôn Pẻm			0.16	0.14	Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	Hồ chứa thủy lợi
83	Nà Chang			0.14	0.12	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	Hồ chứa thủy lợi
84	Hoong Trì			0.13	0.11	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	Hồ chứa thủy lợi
85	Khau Tinh Nọi			0.05	0.03	Xa Khâu Tinh, huyện Na Hang	Hồ chứa thủy lợi
86	Phai Nà				0.02	Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	Hồ chứa thủy lợi
87	Thôm Mấu			0.08	0.07	Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	Hồ chứa thủy lợi
88	Cốc Loạ			0.10	0.09	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
89	Nà Quýt			0.03	0.03	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
90	Loong Tao			0.07	0.06	Xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
91	Khuổi Chùm			0.07	0.06	Xã Tân An, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
92	Búc Hụm			0.06	0.05	TT Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
93	Búc Cái			0.13	0.11	Xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
94	Cốc Cại			0.08	0.07	Xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
95	Thôm Phai			0.16	0.14	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
96	Thôm Luông			0.08	0.07	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
97	Thôm Vài			0.08	0.07	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
98	Thôm Liềng			0.02	0.02	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
99	Thôm Cưởm			0.09	0.08	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
100	Thôm Nhau			0.14	0.12	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
101	Búng Quẵng			0.09	0.08	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
102	Bó Tấu			0.12	0.10	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
103	Hồ 40					Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
104	Co Kéo			0.13	0.11	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
105	Búc Mái			0.12	0.10	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
106	Giang Thìn			0.37	0.32	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
107	Bản Đoàn			0.08	0.07	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
108	Nà Tàng			0.10	0.09	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
109	Bó Coóc			0.10	0.09	Xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
110	Ao Tương			0.07	0.06	Xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
111	Long Bên			0.09	0.08	Xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
112	Na Cù			0.12	0.10	Xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
113	Nà Chanh			0.20	0.17	Xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
114	Bó Táng (Phai Quang)			0.21	0.18	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
115	Khuổi Loong (Khuổi Bẫng)			0.35	0.30	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
116	Khuổi Cọ			0.13	0.11	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
117	Thôm Heng			0.23	0.20	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
118	Thôm Phết			0.08	0.07	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Hồ chứa thủy lợi
119	Cây Thị			0.12	0.10	Xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
120	Nà Nhình			0.10	0.09	Xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	Hồ chứa thủy lợi
121	Lũng Lầy			0.07	0.06	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
122	Phòng Trao			0.02	0.02	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
123	Tam Tinh			0.06	0.05	Xã Minh Khương, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
124	Minh Dân 2			0.01	0.01	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
125	Ông Thắng			0.01	0.01	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
126	Thác Vàng			0.02	0.02	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
127	Ông Lợi			0.06	0.05	Xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
128	Phù Yên			0.07	0.06	Xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
129	Làng Bát			0.17	0.15	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
130	Làng Lếch			0.22	0.19	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
131	Gốc Khế			0.14	0.12	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
132	Lâm Trường			0.09	0.08	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
133	Ông Bổng			0.06	0.05	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
134	Bình Thành			0.07	0.06	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
135	Ông Hộ			0.06	0.05	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
136	Đá Cạnh			0.17	0.15	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
137	Bà Lai			0.09	0.08	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
138	Ông Huynh			0.05	0.04	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
139	Hồ Thôn			0.12	0.10	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
140	Thuôn Đén			0.02	0.02	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
141	Ổ Gà			0.08	0.07	Xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
142	Ngòi Sen			0.08	0.07	Xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
143	Gốc Sẹt			0.01	0.01	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
144	Ông Đài			0.07	0.06	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
145	Km 38 (Tân Bình)			0.07	0.06	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
146	Bà Sắc			0.02	0.02	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
147	Khuôn Bảy			0.03	0.03	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
148	Trường Đoàn			0.02	0.02	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
149	Đồng ỏ			0.15	0.13	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
150	Gốc Bát			0.09	0.08	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
151	Đồng Mon			0.01	0.01	TT Tân Yên, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
152	Xuân Cuồng			0.07	0.06	Xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
153	Kéo Xa			0.05	0.04	Xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
154	Lũng Trao			0.13	0.11	Xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
155	Ao Vệ			0.07	0.06	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
156	Ao Kỳ (NC)			0.22	0.19	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
157	Hồ Lường			0.08	0.07	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
158	Lũng Thoong			0.14	0.12	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
159	An Thạch			0.08	0.07	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
160	Bảy Mãu			0.08	0.07	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
161	Cây Gạo			0.01	0.01	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
162	Hồ Cam			0.02	0.02	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
163	Ao Trằm			0.07	0.06	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
164	Đập Lỷ			0.06	0.05	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
165	Đát Đỏ			0.12	0.10	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
166	Nặm Khao			0.07	0.06	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
167	Đồng Quân			0.06	0.05	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
168	Đập Đát			0.06	0.05	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
169	Khe Bổn			0.02	0.02	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
170	Cây Vải			0.20	0.17	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
171	Ninh Tuyên			0.12	0.10	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
172	Số 1 Tân Khoa			0.20	0.17	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
173	Ninh Thái			0.14	0.12	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
174	Làng Mãn 1			0.10	0.09	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
175	Ba Luồng			0.08	0.07	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
176	Ao Hoàng				0.02	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
177	Ao Lĩnh			0.13	0.11	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
178	Ao Mưa			0.20	0.17	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
179	Cây Chanh			0.22	0.19	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
180	Cây Xoan			0.14	0.12	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
181	Ao Mãu (Ao Mèo)			0.13	0.11	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
182	Cốc Kẹn			0.06	0.05	Xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
183	Ngòi Sỉn			0.09	0.08	Xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	Hồ chứa thủy lợi
184	Hố Dáy			0.08	0.07	Xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
185	Hồ Chẹo			0.09	0.08	Xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
186	Khuôn Cò			0.08	0.07	Xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
187	Cây Đa			0.05	0.04	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
188	Hải Chiều			0.05	0.04	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
189	Hồ Chuộng			0.20	0.17	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
190	Mỏ Cua			0.05	0.05	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
191	Hồ Đặng			0.07	0.06	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
192	Khấu Lấu			0.01	0.01	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
193	Khuôn Giáng			0.01	0.01	Xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
194	Bắc Cảy			0.05	0.04	Xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
195	Lương Trung			0.01	0.01	Xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
196	Khán Còm					Xã Trung Trực, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
197	Thâm Phục			0.08	0.07	Xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
198	Vàng La			0.05	0.04	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
199	Núi Mây			0.07	0.06	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
200	Đồng Lớn			0.09	0.08	Xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
201	Hồ 3 nhà			0.07	0.06	Xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
202	Cây Quýt			0.03	0.03	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
203	Đồng Biệt			0.08	0.07	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
204	Làng Nhà			0.10	0.09	Xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
205	Làng Hản			0.18	0.16	Xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
206	Đèo Nang			0.07	0.06	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
207	Hồ Kẹn (Thôn Kẹn)			0.07	0.06	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
208	Trỗi Lội 1			0.05	0.03	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
209	Trỗi Lội 2			0.05	0.02	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
210	Hồ Đình			0.62	0.54	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
211	Đồng Nứa			0.14	0.12	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
212	Hồ Đõ			0.01	0.01	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
213	Theo Voi			0.12	0.10	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
214	Đồng Bưởi			0.09	0.08	Xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
215	Đồng Trại			0.13	0.11	Xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
216	Hang Hươu			0.12	0.10	Phường Mỹ Lâm, TP Tquang	Hồ chứa thủy lợi
217	Anh Trỗi			0.22	0.19	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
218	Cây Hồng			0.22	0.19	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
219	Thuyền Tha			0.21	0.18	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
220	Gò Chùa			0.21	0.18	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
221	Hồ số 8			0.16	0.14	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
222	Cây Quýt			0.12	0.10	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
223	Nèo Giang 1			0.07	0.06	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
224	Nèo Giang 2			0.05	0.03	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
225	Khuôn Bồng			0.17	0.15	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
226	Ao Tiên			0.16	0.14	Xã Kim Phú, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
227	Khuân Lâm			0.39	0.34	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
228	Chùm ao HTX			0.13	0.11	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
229	Gia Cầm			0.35	0.30	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
230	Trước Đảng			0.07	0.06	Xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
231	Đồng Danh			0.21	0.18	Xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
232	Đồng Trại			0.17	0.15	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
233	Đầm Vạc (Thôn Cây Hồng)			0.17	0.15	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
234	Đầm Bả			0.17	0.15	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
235	Lục Mùn			0.06	0.05	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
236	Ao Nong			0.07	0.06	Xã Lực Hành, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
237	Gốc Sồi			0.01	0.01	Xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
238	Trầm Ân			0.09	0.08	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
239	Cây Vải			0.09	0.08	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
240	Đồng Vâu			0.09	0.08	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
241	Ao Săm			0.13	0.11	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	Hồ chứa thủy lợi
242	Nà Lừa			0.46	0.40	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
243	Hồ Thia			0.07	0.06	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
244	Lúng Búng			0.03	0.03	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
245	Đèo Chắn			0.10	0.09	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
246	Tiền Phong			0.05	0.04	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
247	Vĩnh Tân			0.09	0.08	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
248	Ao Gàng			0.05	0.04	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
249	Quan Hạ			0.13	0.11	Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
250	Đồng Mà			0.18	0.16	Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
251	Hồ Lê			0.12	0.10	Xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
252	Cây Thổ				0.01	Xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
253	Ao Hẻng			0.03	0.03	Xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
254	Hà Lương			0.17	0.15	Xã Lương Thiện, huyện Sơng Dương	Hồ chứa thủy lợi
255	Ao Quan			0.39	0.34	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
256	Quân Khinh			0.10	0.09	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
257	Đồng Cầu			0.06	0.05	Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
258	Khuôn Rèm			0.09	0.08	Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
259	Yên Hương			0.17	0.15	Xã Phúc Ứng huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
260	Sau Đình			0.16	0.14	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
261	Bạch Xa			0.05	0.04	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
262	Đồng Hội			0.13	0.11	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
263	Phương Nam			0.25	0.22	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
264	Rộc Mon			0.23	0.20	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
265	Hồng Tiến			0.10	0.09	Xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
266	Ba Khe			0.01	0.01	Xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
267	Thái Hòa			0.14	0.12	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
268	Cây Trâm 2			0.14	0.12	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
269	Cây Trâm 1			0.07	0.06	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
270	Cây Hồng			0.21	0.18	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
271	Thanh Bình			0.14	0.12	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
272	Tân Dân			0.33	0.29	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
273	Việt Hoà			0.14	0.12	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
274	Nga Phụ			0.13	0.11	Xã Tân Thanh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
275	Thanh Thất			0.21	0.18	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
276	Hú Cóc			0.22	0.19	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
277	Đình Mới			0.06	0.05	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
278	Đồng Kinh			0.13	0.11	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
279	Đồng Kiệm			0.09	0.08	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
280	Suối Cộc (Ao Xanh)			0.13	0.11	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
281	Đình Bà			0.07	0.06	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
282	Rộc Nhội			0.17	0.15	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
283	Cửa Làng			0.15	0.13	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
284	Trúc Long			0.12	0.10	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
285	Đồng Hán			0.13	0.11	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
286	Ông Phong			0.14	0.12	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
287	Đồng Gấu			0.08	0.07	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
288	Cơ Giới			0.03	0.03	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
289	Làng Nàng			0.17	0.15	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
290	Cây Sấu			0.29	0.25	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
291	Hồ Yên Phú			0.08	0.07	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
292	Đồng Mó			0.23	0.20	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
293	Hồ Đồng Bọt			0.07	0.06	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
294	Đồng Mái			0.16	0.14	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
295	Suối Chanh			0.08	0.07	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
296	Cầu Trâm			1.15	1.00	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
297	Cầu Thông			0.05	0.05	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
298	Cầu Giềng			0.12	0.10	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
299	Cây Si			0.06	0.05	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
300	Đồng Đình			0.10	0.09	Xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
301	Bò Mõm			0.12	0.10	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
302	Khiếu Đen			0.06	0.05	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
303	Hốc Chích			0.07	0.06	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
304	Cây Hồng			0.07	0.06	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
305	Ông Bằng			0.12	0.10	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
306	Nhà Ván			0.08	0.07	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
307	Đồng Cuốn			0.08	0.07	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
308	Đồng Trong			0.10	0.09	Xã Tam Đa, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
309	Ba Tấm			0.02	0.01	Xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
310	Bảy Phần			0.02	0.01	Xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
311	Dộc Gáo			0.02		Xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
312	Ao Hồ			0.10	0.09	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
313	Cầu Kham			0.36	0.31	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
314	Đồng Giặc			0.15	0.13	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
315	Cổ Trâu			0.06	0.05	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
316	Thánh Thót			0.22	0.19	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
317	Nhà Móc			0.06	0.05	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
318	Đồng Chùa			0.06	0.05	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
319	Gò Đình			0.20	0.17	Xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
320	Rộc Ổi			0.18	0.16	Xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
321	Bờ Cua			0.13	0.11	Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
322	Vạn Long			0.17	0.15	Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
323	Cây Bứa			0.06	0.05	Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
324	Trầm Vối			0.13	0.11	Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
325	Bồ Côi					Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
326	Nách Thánh			0.07	0.06	Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
327	Gò Bé			0.07	0.07	Xã Văn Phú, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
328	Ông Đinh			0.29	0.25	Xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
329	Bá Xanh			0.16	0.14	Xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
330	Bá Lìn			0.06	0.05	Xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
331	Nà Ngạch			0.05	0.04	Xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
332	Trầm Ngang			0.22	0.19	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
333	Cây Trám			0.23	0.20	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
334	Lăng Cư			0.11	0.11	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
335	Bờ Còn			0.12	0.10	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
336	Gò Vầu			0.26	0.23	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
337	Tây Vực			0.23	0.20	Xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
338	Chi Thiết			0.22	0.19	Xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
339	Cấp Kênh			0.21	0.18	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
340	Ông Phiếu			0.07	0.06	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
341	Trầm Lan			0.21	0.18	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
342	Gò Chè			0.06	0.05	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
343	Khe Con			0.06	0.05	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
344	Nhà Kháo				0.05	Xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
345	Hoà Bình			0.14	0.12	Xã Cấp Tiến, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
346	Hồ Thái An			0.07	0.06	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
347	Tam Tinh			0.09	0.08	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
348	Ngọn Đồng			0.06	0.05	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
349	Bà Trạ			0.08	0.07	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
350	Ngòi Cụt			0.06	0.05	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
351	Ninh Thái			0.12	0.10	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
352	Cà Phê			0.12	0.10	Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
353	Hố Gáo			0.12	0.10	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
354	Bác Hồ			0.09	0.08	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
355	Rộc Mênh			0.14	0.12	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
356	Hồ Chùa			0.13	0.11	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
357	Hồ Thuật I			0.10	0.09	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
358	Hồ Thuật II			0.15	0.13	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
359	Đèo Hới			0.24	0.21	TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi

TT	Tên hồ chứa	Nguồn nước khai thác	Thuộc hệ thống sông	Dung tích toàn bộ $Wh_{toàn\ bộ}$ (10^6 m^3)	Dung tích hữu ích Whi (10^6 m^3)	Địa điểm	Ghi chú
360	Phai Lớn				0.04	TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Hồ chứa thủy lợi
361	Gò Sở			0.02	0.02	Phường Nông Tiến, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
362	Đầu Đồng			0.17	0.15	Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
363	Ao Quãng			0.18	0.16	Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
364	Cầu giấy			0.09	0.08	Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
365	Thọ Đồng			0.10	0.09	Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
366	Bình Điền			0.13	0.11	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
367	Phúc An			0.10	0.09	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
368	Cây Cọ (Gò Gianh)			0.10	0.09	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
369	Phó Bể			0.05	0.04	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
370	Cổ Ngựa			0.06	0.05	Xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
371	Bà Là			0.18	0.16	Phường An Tường, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
372	Cây Kháo			0.08	0.07	Xã Thái Long, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
373	Khe Mai			0.07	0.06	Xã An Khang, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
374	Thanh Niên			0.07	0.06	Xã An Khang, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
375	Dốc Thiều			0.20	0.17	Xã An Khang, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
376	Dộc Giữa			0.09	0.08	Xã An Khang, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
377	Phai Thờ			0.23	0.20	Xã An Khang, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
378	Xã Nội			0.12	0.10	Phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi
379	Kháng Thọ			0.13	0.11	Phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang	Hồ chứa thủy lợi